

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 825/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2019

V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Trung Dũng** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên Tòa ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **T V N**, sinh năm 1980

Địa chỉ: B13C/26/B2 ấp 2B, VLB, HBC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **H N V**, sinh năm 1973

Địa chỉ: B13C/26/B2 ấp 2B, VLB, HBC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(BàN có mặt tại phiên Tòa, ôngH vắng mặt tại phiên Tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà T V N trình bày: BàN và ông H N V chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ lúc lấy nhau đến nay cuộc sống vợ chồng có nhiều sự việc và biến cố xảy ra, nhưng vì cuộc sống của hai con còn nhỏ nên bà đều bỏ qua, nhưng càng ngày chồng bà càng quá quắt, thường xuyên đánh đập bà, ghen tuông bệnh hoạn, nhỏ nhen, ích kỷ toan tính, không trung thực dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến giữa năm 2017 vợ chồng bà sống ly thân. Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không còn tình cảm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nhiều lần ôngH còn đòi lấy mạng sống của bà. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bàN yêu cầu được ly hôn với ông H N V.

Về con chung: BàN và ôngH có 02 con chung là HuýnhN Hậu, sinh ngày: 14/04/2002 và HuýnhN Gia Hân, sinh ngày: 04/8/2011. Khi ly hôn bà muốn nuôi 02 con và không yêu cầu ôngH cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập căn nhà tại địa chỉ B13C/26/32 ấp 2B, VLB, HBC, TP.HCM (thuộc thửa 18 tờ bản đồ số 12, có diện tích 42m²). Nếu ly hôn ông bà tự thỏa thuận.

Về nợ chung: BàN xác nhận không có.

Bị đơn ông H N V trình bày: Ông và bà T V N chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có xảy ra mâu thuẫn. Ông đề nghị Tòa án cho vợ chồng ông được đoàn tụ vì bản thân ông còn rất thương vợ và 02 con còn nhỏ.

Về con chung: ÔngH và bàN có 02 con chung là H N H, sinh ngày: 14/04/2002 và H N G H, sinh ngày: 04/8/2011. Nếu khi ly hôn trẻ H còn nhỏ thì bàH nuôi, còn trẻ Hậu đồng ý ở với ai thì tôi đồng ý giao người đó nuôi dưỡng, tôi tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập căn nhà tại địa chỉ B13C/26/32 ấp 2B, VLB, HBC, TP.HCM (thuộc thửa 18 tờ bản đồ số 12, có diện tích 42m²). Nếu ly hôn chúng ông bà tự thỏa thuận.

Về nợ chung: ÔngH xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T V N đối với ông H N V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T V N nộp đơn xin ly hôn đối với ông H N V. Ông H N V hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số I của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện T P, tỉnh Bình Định cấp ngày 19/12/2001 có cơ sở

xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T V N và ông H N V là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Tại công văn xác minh tình trạng hôn nhân gia đình của Ủy ban nhân dân xã VL B thì bà N và ông H thường xuyên cãi vã với nhau, bà N và ông H có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn do lỗi của người vợ và người chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà N thì giữa bà và ông H bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2017 đến nay, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T V N với ông H N V.

[6] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là H N H, sinh ngày: 14/04/2002 và H N G H, sinh ngày: 04/8/2011. Hiện 02 trẻ đang sống cùng bà N và ông H. Sau khi lấy ý kiến của 02 trẻ thì bản thân 02 trẻ H và trẻ H đều muốn sống cùng bà N. HĐXX nghĩ nên giao 2 trẻ H và Hân cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của trẻ và hoàn cảnh sống của 2 trẻ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N tạm hoãn cho ông H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông H N V có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung: Bà N và ông H có tạo lập căn nhà tại địa chỉ B13C/26/32 ấp 2B, VLB, HBC, TP.HCM (thuộc thửa 18 tờ bản đồ số 12, có diện tích 42m²). Bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà N và ông H xác nhận không có.

[9] Về án phí: Bà T V N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T V N với ông H N V.

Bà T V N được ly hôn với ông H N V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển I của Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình định cấp ngày 19/12/2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: BàN và ôngH có 02 con chung là H N H, sinh ngày: 14/04/2002 và H N G H, sinh ngày: 04/8/2011. Hiện nay 02 trẻ đang ở với bàN nên giao 02 trẻ H và trẻ H cho bàN tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông H N V có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: BàN và ôngH có tạo lập căn nhà tại địa chỉ B13C/26/32 ấp 2B, VLB, HBC, TP.HCM (thuộc thửa 18 tờ bản đồ số 12, có diện tích 42m²) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T V N và ông H N V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà T V N chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Thúy đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0015353 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. BàN đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Vân Hương